



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY

Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch
Ông Bùi Xuân Hải	Thành viên
Bà Võ Thị Hà Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Trung Phi	Thành viên
Bà Mai Ngọc Liên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Bùi Xuân Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

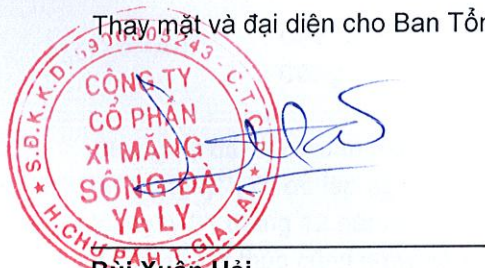
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALY
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Xuân Hải

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 032503/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã chi vượt Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.844.308.179 đồng từ các năm trước. Nếu Công ty hạch toán các khoản đã chi này vào kết quả kinh doanh của kỳ trước thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu cho các khoản công nợ phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải trả người bán, phải thu ngắn hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 với số tiền lần lượt là 45.620.766.010 đồng, 335.942.145 đồng, 5.391.663.068 đồng, 2.124.431.570 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho những khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền 31.047.241.302 đồng, trong đó, số dự phòng cần trích lập năm 2021 là 286.390.640 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi trên báo cáo tài chính thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng 286.390.640 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp" sẽ giảm đi 286.390.640 đồng; trên Bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi 31.047.241.302 đồng, chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" cũng tăng lên số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập trên giả định hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2021 là 53.852.792.609 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 30.488.262.142 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 38.676.746.432 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tăng cường công tác thu hồi công nợ trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của các đối tác cho vay để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.



Nguyễn Như Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hoàng Văn Phúc

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.819.753.995	41.939.872.141
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	646.431.116	557.009.815
1. Tiền	111		646.431.116	557.009.815
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.7	860.000.000	300.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(140.000.000)	(700.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.680.542.247	40.313.335.384
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.049.621.366	53.673.142.458
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		335.942.145	305.942.145
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	1.100.325.179	1.100.325.179
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.166.421.180	2.205.693.225
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(16.971.767.623)	(16.971.767.623)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	628.292.585	749.614.697
1. Hàng tồn kho	141		643.857.702	749.614.697
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.565.117)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.488.047	19.912.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	4.488.047	5.417.213
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	14.495.032
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.987.316.849	36.023.645.810
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		195.325.427	195.325.427
1. Phải thu dài hạn khác	216		195.325.427	195.325.427
II. Tài sản cố định	220		768.109.069	816.796.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	768.109.069	816.796.885
- Nguyên giá	222		2.255.112.816	2.255.112.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.487.003.747)	(1.438.315.931)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.000.000.000	35.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	35.000.000.000	35.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.882.353	11.523.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	23.882.353	11.523.498
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		76.807.070.844	77.963.517.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.345.418.410	69.079.385.651
I. Nợ ngắn hạn	310		71.308.016.137	69.027.983.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22.367.075.406	20.951.649.682
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.738.000	24.738.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	50.059.587	61.030.421
4. Phải trả người lao động	314		34.491.011	41.443.317
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	8.824.672.235	7.719.806.762
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	1.151.288.077	973.425.875
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	40.700.000.000	41.100.197.500
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.844.308.179)	(1.844.308.179)
II. Nợ dài hạn	330		37.402.273	51.402.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	37.402.273	51.402.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.461.652.434	8.884.132.300
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	5.461.652.434	8.884.132.300
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(7.320.000)	(7.320.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.321.765.043	14.321.765.043
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(53.852.792.609)	(50.430.312.743)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(50.430.312.743)	(46.473.524.864)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(3.422.479.866)	(3.956.787.879)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		76.807.070.844	77.963.517.951



Mai Ngọc Liên
 Người lập biểu



Mai Trung Kiên
 Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		59.611.554.857	66.863.120.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	5.400.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	59.611.554.857	66.857.720.297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.576.716.916	65.486.096.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.034.837.941	1.371.623.742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.771.485	11.527.886
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.155.499.484	3.738.760.538
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.704.667.973	3.805.760.538
8. Chi phí bán hàng	25		-	22.254.880
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.295.985.771	1.530.484.896
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.413.875.829)	(3.908.348.686)
11. Thu nhập khác	31		-	119.427.389
12. Chi phí khác	32	VI.6	8.604.037	167.866.582
13. Lợi nhuận khác	40		(8.604.037)	(48.439.193)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.422.479.866)	(3.956.787.879)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.422.479.866)	(3.956.787.879)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(3.422.479.866)	(3.956.787.879)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	48.687.816	48.687.816
Các khoản dự phòng	03	(560.000.000)	(67.000.000)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.831.511	(7.397.130)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.771.485)	(4.130.756)
Chi phí lãi vay	06	3.704.667.973	3.805.760.538
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(221.064.051)	(180.867.411)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.647.288.169	722.181.416
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	121.322.112	2.672.585.373
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	1.502.674.369	4.508.087.527
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(11.429.689)	74.514.204
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.599.802.500)	(7.392.121.385)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	438.988.410	404.379.724
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.630.391	4.130.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.630.391	4.130.756
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	17.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(400.197.500)	(19.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(400.197.500)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	89.421.301	(2.091.489.520)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	557.009.815	2.648.499.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	646.431.116	557.009.815


Mai Ngọc Liên
Người lập biểu

Mai Trung Kiên
Kế toán trưởngBùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xi măng Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 936/QĐ-BXD ngày 03 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000019 ngày 22 tháng 7 năm 2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 5900305243. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần là 4.500.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo Quyết định số 313/QĐ-SGDHN ngày 04 tháng 05 năm 2017, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly với mã chứng khoán SDY hủy niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 04 tháng 05 năm 2017.

Theo Quyết định số 395/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 06 năm 2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly (mã chứng khoán SDY) được giao dịch tại sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 02 tháng 06 năm 2017.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi;

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Hiện nay Công ty có một (01) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Xi nghiệp khai thác đá và một (01) Công ty con. Thông tin về Công ty con cụ thể như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Công TNHH MTV Xi măng ELECEM	Huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	100%	100%	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6 người, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6 người.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, lỗ lũy kế của Công ty là 53.852.792.609 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là âm 8.852.792.609 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 30.488.262.142 đồng. Trong tổng tài sản ngắn hạn của Công ty có 38.676.746.432 đồng là nợ xấu. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã xây dựng các kế hoạch để tăng cường khả năng thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã làm việc với các nhà cung cấp và các đối tác cho vay để cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn. Với các khoản đi vay, các đối tác cho vay đã tạo điều kiện gia hạn nợ cho Công ty hàng năm.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chứng khoán kinh doanh**

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Máy móc thiết bị
Thiết bị dụng cụ quản lý

Năm
10
03 - 15
05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	12.722.836	11.288.658
Tiền gửi ngân hàng	633.708.280	545.721.157
Cộng	646.431.116	557.009.815

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Sông Đà 3	16.752.539.500	16.752.539.500
- Chi nhánh 307	14.775.996.860	14.775.996.860
- Văn phòng Công ty	1.976.542.640	1.976.542.640
Công ty CP Sông Đà 6	2.571.916.274	2.571.916.274
- Chi nhánh 603	1.886.039.137	1.886.039.137
- Văn phòng Công ty	685.877.137	685.877.137
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	10.152.103.031
Xí nghiệp Sông Đà 11.5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	3.577.550.834	4.977.114.164
Chi nhánh Công ty TNHH SCG International Việt Nam tại Đà Nẵng	3.344.728.970	3.523.795.220
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.558.569.810	11.603.461.322
Cộng	52.049.621.366	53.673.142.458

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (*)	1.100.325.179	1.100.325.179
Cộng	1.100.325.179	1.100.325.179

(*) Phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào về khoản cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/SDYALY-VL ngày 26 tháng 03 năm 2014. Mục đích cho vay: Thanh toán lãi vay Ngân hàng cho dự án thủy điện Xekaman 1. Thời hạn vay 18 tháng. Lãi suất cho vay theo lãi suất Tổng Công ty Sông Đà. Theo Phụ lục bổ sung Hợp đồng vay vốn số 02/2016/PLHĐTD/SDYALY-VL ngày 01 tháng 01 năm 2016, khoản cho vay được gia hạn thanh toán đến ngày 12 tháng 03 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	14.302.993	535.741.947
Phải thu khác	2.152.118.187	1.669.951.278
Cộng	2.166.421.180	2.205.693.225

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	251.917.511	(15.565.117)	251.917.511	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	390.440.191	-	478.571.020	-
Thành phẩm	-	-	17.626.166	-
Hàng hóa	1.500.000	-	1.500.000	-
Cộng	643.857.702	(15.565.117)	749.614.697	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	4.488.047	3.583.240
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	1.833.973
Cộng	4.488.047	5.417.213
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	2.919.461
- Các khoản khác	23.882.353	8.604.037
Cộng	23.882.353	11.523.498

7. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu SD3 (100.000 CP)	1.000.000.000	860.000.000	140.000.000	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
Cộng	1.000.000.000	860.000.000	140.000.000	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với các chứng khoán hiện giao dịch trên sàn upcom, thuộc quản lý của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi							
	VND	VND	VND	VND							
Phải thu khách hàng	36.585.385.881	21.412.441.049	15.172.944.832	36.585.385.881	15.172.944.832	21.412.441.049	15.172.944.832	14.775.996.860	14.775.996.860	15.172.944.832	-
- Chi nhánh Sông Đà 3.07 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.775.996.860	14.775.996.860	-	14.775.996.860	-	14.775.996.860	-	14.775.996.860	14.775.996.860	14.775.996.860	-
- Ban điều hành dự án Thủy điện Xekaman 3	10.152.103.031	-	10.152.103.031	10.152.103.031	10.152.103.031	-	10.152.103.031	-	-	10.152.103.031	-
- Xí nghiệp Sông Đà 11-5 Thăng Long	4.092.212.947	4.092.212.947	-	4.092.212.947	-	4.092.212.947	-	4.092.212.947	4.092.212.947	-	-
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	1.680.971.155	1.680.971.155	-	1.680.971.155	-	1.680.971.155	-	1.680.971.155	1.680.971.155	-	-
- Công ty TNHH Điện Xekaman 3	607.489.268	206.564.330	400.924.938	600.092.138	400.924.938	199.167.200	400.924.938	600.092.138	199.167.200	400.924.938	400.924.938
- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	685.877.137	68.325.023	617.552.114	685.877.137	617.552.114	68.325.023	617.552.114	685.877.137	68.325.023	617.552.114	617.552.114
- Tổng công ty Sông Đà	598.630.933	299.315.466	299.315.467	598.630.933	299.315.467	299.315.466	299.315.467	598.630.933	299.315.466	299.315.467	299.315.467
- Các đối tượng khác	3.992.104.550	289.055.268	3.703.049.282	3.999.501.680	3.703.049.282	296.452.398	3.703.049.282	3.999.501.680	296.452.398	3.703.049.282	3.703.049.282
Trả trước cho người bán	250.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000	100.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000	150.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty CP TV&HD Khoáng sản Geminco	250.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000	100.000.000	150.000.000	100.000.000	250.000.000	150.000.000	100.000.000	100.000.000
Phải thu khác	1.841.360.551	142.537.760	1.698.822.791	1.841.360.551	1.698.822.791	142.537.760	1.698.822.791	1.841.360.551	142.537.760	1.698.822.791	1.698.822.791
- Vũ Văn Bàu	516.993.815	-	516.993.815	516.993.815	516.993.815	-	516.993.815	516.993.815	-	516.993.815	516.993.815
- Nguyễn Xuân Toàn	109.601.873	-	109.601.873	109.601.873	109.601.873	-	109.601.873	109.601.873	-	109.601.873	109.601.873
- Nguyễn Khắc Hưng	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
- Các đối tượng khác	1.114.764.863	142.537.760	972.227.103	1.114.764.863	972.227.103	142.537.760	972.227.103	1.114.764.863	142.537.760	972.227.103	972.227.103
Cộng	38.676.746.432	21.704.978.809	16.971.767.623	38.676.746.432	16.971.767.623	21.704.978.809	16.971.767.623	38.676.746.432	21.704.978.809	16.971.767.623	16.971.767.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.801.234.634	420.878.182	33.000.000	2.255.112.816
Số dư cuối năm	1.801.234.634	420.878.182	33.000.000	2.255.112.816
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.230.013.441	192.902.490	15.400.000	1.438.315.931
Khấu hao trong năm	6.600.000	42.087.816	-	48.687.816
Số dư cuối năm	1.236.613.441	234.990.306	15.400.000	1.487.003.747
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	571.221.193	227.975.692	17.600.000	816.796.885
Tại ngày cuối năm	564.621.193	185.887.876	17.600.000	768.109.069

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.066.807.361 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.066.807.361 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã mang đi thế chấp các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 đồng)

10. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
	100%	35.000.000.000	100%	35.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	-	-	-	-
Cộng	-	35.000.000.000	-	35.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	8.390.528.752	7.285.663.279
Trích trước chi phí mua phụ gia	401.854.636	401.854.636
Các khoản chi phí phải trả khác	32.288.847	32.288.847
Cộng	8.824.672.235	7.719.806.762
Trong đó: Phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	8.291.778.752	7.594.995.473

12. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	488.808
Tiền thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT	1.066.000.000	886.000.000
Phải trả khác	85.288.077	86.937.067
Cộng	1.151.288.077	973.425.875
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.402.273	51.402.273
Cộng	37.402.273	51.402.273

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG ĐÀ YALÝ
Xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh,
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
	4.683.497.594	4.683.497.594	5.287.802.256	5.287.802.256
	12.084.494.744	12.084.494.744	9.968.716.858	9.968.716.858
	927.832.000	927.832.000	927.832.000	927.832.000
	4.671.251.068	4.671.251.068	4.767.298.568	4.767.298.568
Cộng	22.367.075.406	22.367.075.406	20.951.649.682	20.951.649.682

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Chế biến và Kinh doanh Than Xuân Phú

Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM

Doanh nghiệp tư nhân Minh Tuấn

Phải trả nhà cung cấp khác

Cộng

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)**

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số đã thực trả, bù trừ trong năm VND	Giá trị	Số phải nộp trong năm VND
	12.229.166	5.879.722.391	5.891.951.557	-
	37.830.421	156.000.000	132.800.000	61.030.421
	-	99.499.946	99.499.946	-
	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	50.059.587	6.139.222.337	6.128.251.503	61.030.421

Thuế giá trị gia tăng

Thuế thu nhập cá nhân

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế môn bài

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trần Thị Kim Thoa (i)	36.500.000.000	36.500.000.000	-	-	36.500.000.000	36.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện (ii)	4.200.000.000	4.200.000.000	-	400.197.500	4.600.197.500	4.600.197.500
Cộng vay ngắn hạn	40.700.000.000	40.700.000.000	-	400.197.500	41.100.197.500	41.100.197.500

(i) Khoản vay cá nhân của bà Trần Thị Kim Thoa theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn các khoản vay là 12 tháng kể từ ngày nhận được khoản vay. Theo các phụ lục hợp đồng được ký kết trong năm 2021, khoản vay được gia hạn hoàn trả đến năm 2022. Lãi suất vay vốn hiện tại là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện theo các hợp đồng vay vốn nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 11%/năm (từ ngày 22/08/2019 là 9%/năm). Các khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp. Bao gồm các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1107/HĐV-PTIC-SDY ngày 11 tháng 07 năm 2017 và các phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng số 1107/HĐV-PTIC-SDY với tổng số tiền vay tối đa 5.880.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2021 gia hạn thời gian vay nợ đến 11/07/2022.

- Hợp đồng vay vốn số 1412/PTIC-SDY ngày 14 tháng 12 năm 2017 và các phụ lục kèm theo với số tiền vay là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày Công ty nhận được khoản vay theo từng đợt. Tiền gốc và lãi được hoàn trả vào ngày kết thúc thời hạn vay hoặc một ngày khác sớm hơn nếu hai bên có thỏa thuận khác. Phụ lục hợp đồng năm 2021 gia hạn thời gian vay nợ đến 14/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000		(7.320.000)		14.321.765.043		(46.473.524.864)		12.840.920.179
Lỗi trong năm	-		-		-		(3.956.787.879)		(3.956.787.879)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000		(7.320.000)		14.321.765.043		(50.430.312.743)		8.884.132.300
Lỗi trong năm	-		-		-		(3.422.479.866)		(3.422.479.866)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000		(7.320.000)		14.321.765.043		(53.852.792.609)		5.461.652.434

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Ông Trần Anh Minh	10.000.000.000		10.000.000.000	
Bà Trịnh Thị Thúy	10.000.000.000		10.000.000.000	
Ông Trần Hạnh Nguyên	8.055.000.000		8.055.000.000	
Ông Trần Quang Huy	4.071.000.000		4.071.000.000	
Bà Trần Thị Kim Thoa	2.950.000.000		2.950.000.000	
Cổ đông khác	9.924.000.000		9.924.000.000	
Cộng	45.000.000.000		45.000.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

17. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về báo cáo bộ phận trên lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.611.554.857	66.863.120.297
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.509.282.131	63.943.000.732
Doanh thu bán thành phẩm	102.272.726	829.360.458
Doanh thu khác	-	2.090.759.107
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	5.400.000
- Chiết khấu thương mại	-	5.400.000
Cộng	59.611.554.857	66.857.720.297

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	58.455.394.804	62.756.408.960
Giá vốn bán thành phẩm	105.756.995	638.928.488
Giá vốn khác	-	2.090.759.107
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	15.565.117	-
Cộng	58.576.716.916	65.486.096.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.771.485	4.130.756
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.397.130
Cộng	2.771.485	11.527.886

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.704.667.973	3.805.760.538
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(560.000.000)	(67.000.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.831.511	-
Cộng	3.155.499.484	3.738.760.538

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	468.674.300	310.812.549
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	24.081.148	427.761.351
Thuế, phí và lệ phí	103.499.946	274.920.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.881.716	416.168.200
Chi phí bằng tiền khác	56.848.661	100.822.071
Cộng	1.295.985.771	1.530.484.896

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	-	54.508.588
Các khoản khác	8.604.037	113.357.994
Cộng	8.604.037	167.866.582

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.422.479.866)	(3.956.787.879)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.422.479.866	134.417.679
Các khoản điều chỉnh tăng	3.609.197.982	134.417.679
- Phạt vi phạm hành chính, truy thu thuế	-	134.417.679
- Chi phí trồng bờ lòi quanh nhà máy	8.314.037	-
- Lãi vay loại trừ	3.600.883.945	-
Các khoản điều chỉnh giảm	186.718.116	-
- Chuyển lỗ năm trước	186.718.116	-
Thu nhập chịu thuế	-	(3.822.370.200)
Thuế suất	20%	20%
- Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.918.456	2.149.315.794
Chi phí nhân công	468.674.300	310.812.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.687.816	48.687.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.046.751.396	61.756.612.728
Chi phí khác bằng tiền	160.348.607	100.822.071
Chi phí dự phòng	15.565.117	-
Cộng	59.766.945.692	64.366.250.958

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt
Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch Công ty
Ông Bùi Xuân Hải	Tổng giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Cổ đông lớn
Bà Trịnh Thị Thúy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Hạnh Nguyên	Cổ đông lớn
Ông Trần Quang Huy	Cổ đông lớn
Bà Trần Thị Kim Thoa	Cổ đông lớn
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND
Bán hàng	370.909.091
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	370.909.091
Mua hàng	36.159.669.811
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	36.159.669.811
Trả nợ gốc vay	400.197.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	400.197.500
Chi phí lãi vay	4.154.667.975
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	419.667.973
Bà Trần Thị Kim Thoa	3.735.000.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả	12.084.494.744	9.968.716.858
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	12.084.494.744	9.968.716.858
Phải thu khác	-	47.858.906
Công ty TNHH MTV Xi măng ELECEM	-	47.858.906
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.291.778.752	7.594.995.473
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	6.407.436.286	6.087.570.813
Bà Trần Thị Kim Thoa	1.884.342.466	1.507.424.660
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.700.000.000	41.100.197.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	4.200.000.000	4.600.197.500
Bà Trần Thị Kim Thoa	36.500.000.000	36.500.000.000

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và thư ký được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm nay VND
Ông Bùi Xuân Hải	52.844.382	52.934.687
Ông Nguyễn Việt Tùng	7.288.563	14.546.616
Bà Phạm Thị Thu Hà	36.000.000	36.000.000
Bà Võ Thị Hà Giang	36.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Công Khởi	-	24.000.000
Bà Trần Thị Len	36.000.000	36.000.000
Cộng	168.132.945	175.481.303

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.



Mai Ngọc Liên
Người lập biểu



Mai Trung Kiên
Kế toán trưởng



Bùi Xuân Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2022